

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/LĐ-PT
Ngày: 09-10-2018
V/v tranh chấp lao động cá
nhân giữa người lao động và
người sử dụng lao động về
tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Nguyễn Văn Tư -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/LĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động và người sử dụng lao động về tiền lương.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T, địa chỉ nơi cư trú Số X, đường T, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Công ty TNHH HG SSC, địa chỉ trụ sở Số M, đường H, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH HG SSC: Ông Bùi Văn N; chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thế T – Nguyên đơn.

(nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện và các T liệu khác có trong hồ sơ ông Nguyễn Thế T trình bày: Tháng 10/2016 ông xin vào làm việc (với nhiệm vụ bảo vệ) tại Công ty TNHH HG SSC do ông Bùi Văn N làm giám đốc. Khi xin vào làm việc thì không kí hợp đồng lao động bằng văn bản vì ông N nói chỉ cần đơn xin việc và hồ sơ thì sẽ đi làm ngay. Mức lương làm việc hàng tháng 4.200.000đ/tháng. Thời gian làm việc 15 tiếng (từ 16h30 chiều ngày hôm trước đến 07h30 sáng ngày hôm sau). Tháng đầu tiên ông được điều làm bảo vệ tại kho súng sơn của Khu du lịch T, Đ. Sau khi làm được 01 tháng thì Công ty điều ông làm bảo vệ ban đêm tại nhà vườn Đ ở đèo M và ban ngày thì về Công ty Đ ở đường N, Phường K, thành phố Đ. Sau đó ông tiếp tục được điều làm ở nhiều nơi như ở nhà hàng đường B, quầy thuốc tây ở chợ Đ, nhà thuốc N. Những tháng đầu làm việc thì Công ty trả tiền lương cho ông đầy đủ. Những lần đi trực ông đều có kí bàn giao ca trực vào sổ trực. Sau khi làm được một thời gian thì ông làm đơn xin nghỉ việc, có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn N, trong khi chờ chưa đến ngày nghỉ thì ông N gọi điện thoại báo ông nghỉ ở nhà. Từ khi ông nghỉ thì công ty không tiếp tục thanh toán tiền lương những tháng còn lại cho ông. Ông đã đến công ty liên hệ để đòi lại số tiền lương 02 tháng và tiền tăng ca nhưng Công ty không trả. Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt buộc Công ty TNHH HG SSC trả ông tiền lương của tháng 02/2017 tháng 03/2017 và tăng ca tổng cộng là 11.720.000đ. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác. T liệu chứng minh cho yêu cầu là: 01 Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 28/9/2017 (bản chính); 01 Đơn xin xác nhận ghi ngày 03/10/2017 (bản chính); 01 Giấy xác nhận (bản chính); 01 Sổ bàn giao ca trực từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/4/2017 có ký nhận của bên nhận ca và bên giao ca (bản chính);

Chứng cứ do tòa án thu thập gồm: Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ ký kết giữa Chi nhánh Công ty cổ phần du lịch T - TY và biên bản thanh lý Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ; Lời khai của ông Vũ Đào Văn B, ông Nguyễn Văn Ng, ông Bùi Đăng Gia H, ông Nguyễn Tiến T và bà Phan Thị Thanh T là các nhân chứng.

Theo văn bản ngày 16/10 /2017 gửi đến tòa án ngày 17/10/2018 trình bày ý kiến về việc thụ lý vụ án của Công ty TNHH HG SSC do ông Bùi Văn N làm giám đốc: Công ty TNHH HG SSC không đồng ý với yêu cầu khởi kiện kèm theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, không thừa nhận ông T có làm việc tại doanh nghiệp, cho rằng đơn xác nhận cho nghỉ việc ông T đưa ra là giả và đề nghị giám định.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không hòa giải được.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T kiện Công ty TNHH HG SSC do ông Bùi Văn N làm giám đốc

Buộc Công ty TNHH HG SSC, do ông Bùi Văn N làm giám đốc trả cho ông Nguyễn Thế T tiền lương 3.640.000đ (*Ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2- Về án phí: Công ty TNHH HG SSC do ông Bùi Văn N làm giám đốc phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

Ngày 29/6/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Thế T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án Lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền lương của tháng 02/2017 và tháng 3/2017 và tiền tăng ca là 11.720.000đ. Ngoài ra, ông không xuất trình thêm chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm với số ngày làm việc theo quy định tại Điều 110 Bộ luật Lao động đối với khoản tiền lương từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/4/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T kháng cáo một phần Bản án Lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đối với số tiền lương của tháng 2/2017, một phần tiền lương của tháng 3/2017 và tiền tăng ca là 8.12.000đ. Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận số tiền lương trong tháng 3/2017 là 3.600.000đ. Yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn HĐXX thấy rằng;

+ *Đối với thời gian tham gia quan hệ lao động:* Mặc dù phía nguyên đơn người lao động không xuất trình được hợp đồng lao động và chứng cứ khác để chứng minh cho quan hệ lao động với bị đơn Công ty TNHH HG SSC, nhưng theo các T liệu có hồ sơ vụ án và lời trình bày của các nhân chứng nguyên trước đây là nhân viên của bị đơn Công ty TNHH HG SSC thì có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Thế T là nhân viên bảo vệ cho Công ty TNHH HG SSC thời gian tham gia quan hệ lao động được xác định là từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/4/2017 (BL 07-20). Nguyên do cho rằng tham gia quan hệ lao động với bị đơn từ tháng 10/2016 nhưng không xuất trình chứng cứ để chứng minh cho thời gian tham gia lao động như đã trình bày, trong khi bị đơn không thừa nhận có quan hệ lao động với nguyên đơn (BL 02; 26). Bản án sơ thẩm xác định thời gian tham gia lao động của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T đối với bị đơn Công

ty TNHH HG SSC là 24 ngày kể từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/4/2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ *Đối với khoản tiền lương trong những ngày nguyên đơn ông Nguyễn Thế T tham gia quan hệ lao động với Công ty TNHH HG SSC:* Theo lời trình bày của nguyên đơn thì công việc mà nguyên đơn thực hiện đối với bị đơn là không phải công việc có thời hạn dưới 03 tháng nên khi xác lập quan hệ lao động hai bên phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định tại Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2012 để xác lập các quyền, nghĩa vụ về tiền lương, các chế độ lao động và chính sách khác liên quan đến quan hệ lao động đối với người lao động và người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH HG SSC đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình không đến Tòa. Cấp sơ thẩm căn cứ vào các T liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án xác định mức lương bình quân đối với công việc của ông Nguyễn Thế T tham gia quan hệ lao động với Công ty TNHH HG SSC tại thời điểm tháng 3/2017 là 4.200.000đ/tháng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 90 về tiền lương của Bộ luật Lao động năm 2012. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định khoản tiền lương đối với nguyên đơn ông Nguyễn Thế T từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/4/2017 là chưa chính xác theo quy định tại khoản 1 Điều 110 về thời gian nghỉ hàng tuần của Bộ luật Lao động năm 2012. Theo đó người lao động một tháng được nghỉ 04 ngày nên thời gian làm việc được xác định bình quân trong một tháng là 26 ngày, mức tiền lương lao động của ông T được xác định là 161.538.500đ/ ngày (4.200.000đ/ tháng: 26 ngày = 161.538.500đ/ ngày). Căn cứ vào các biên bản giao nhận ca trực do bị đơn Công ty TNHH HG SSC giao cho nhân viên thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu ghi chép khi tiến hành bàn giao ca trực thể hiện từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/3/2017 đối với thời gian làm việc của ông T là 25 ngày nên tiền lương của ông T trong thời gian này là 161.538.500đ x 25 ngày = 4.038.500đ, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với bị đơn sửa bản án sơ thẩm đối với khoản tiền lương nói trên để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

+ *Đối với khoản tiền trợ cấp tiền xăng, tiền làm tăng ca:* Phía nguyên đơn ông T khởi kiện ngoài khoản tiền lương còn có khoản tiền trợ cấp tiền xăng số tiền 800.000đ/tháng do làm ở mục tiêu xa và số tiền làm tăng ca là 2.520.000đ nhưng ông xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này Cấp sơ

thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản tiền nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án trường hợp của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T là người lao động khởi kiện đòi tiền lương nên được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Buộc bị đơn Công ty TNHH HG SSC phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T đối với bị đơn Công ty TNHH HG SSC.

Sửa Bản án Lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T đối với bị đơn Công ty TNHH HG SSC.

Buộc Công ty TNHH HG SSC phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thế T số tiền 4.038.500đ (*Bốn triệu, không trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm đồng*) là khoản tiền lương từ ngày 08/3/2017 đến ngày 02/4/2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc bị đơn Công ty TNHH HG SSC phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng